

CHỦ ĐỀ: ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI CỦA BÉ

Thời gian thực hiện 4 tuần Từ ngày 29/09 đến ngày 24/10/2025

STT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Hoạt động GD	Ghi chú
1. Lĩnh vực phát triển thể chất:				
1	Trẻ thực hiện được động tác trong bài thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra, gà gáy, thổi bóng - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên; co duỗi từng chân, bật tại chỗ, đứng nhún chân.	Thể dục sáng - Hô hấp: Tập hít vào thở ra, gà gáy, thổi bóng - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, bật tại chỗ, đứng nhún chân.	
2	- Trẻ biết giữ được thăng bằng trong vận động đi/chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	* Tập đi, chạy: - Đứng co 1 chân	* Chơi -Tập có chủ định: - Đứng co 1 chân TC: Dung dăng dung dẻ	
3	Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Tung - bắt bóng với cô khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1->1,2m.	* Tập tung: - Tung bóng bằng 2 tay	* Chơi -Tập có chủ định: - Tung bóng bằng 2 tay Tc: Gieo hạt	
4	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	* Tập bò, trườn: - Bò chui qua cổng.	* Chơi -Tập có chủ định: - Bò chui qua cổng TCVĐ: Lộn cầu vòng *Hoạt động chơi: TCM: Bóng tròn to	

5	Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	* Tập nhún bật: - Bật qua vạch kẻ	* Chơi - tập có chủ định: - Bật qua vạch kẻ. TC: Thổi bóng	
7	Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập khâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây.	* Hoạt động với đồ vật: - Chơi với vòng, xếp cái ghế, xếp cái bàn. * Hoạt động chơi: - Hoạt động chiều: Dạy KNS: Đi dép, cài, cởi cúc áo, xếp dép gọn gàng;	

b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

8	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống.	* HD ăn, ngủ, vệ sinh: - Gọi tên các món ăn ở trường. - Xúc bằng thìa, không bốc tay. - Rửa tay trước khi ăn.	
10	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	* HD ăn, ngủ, vệ sinh: - Hướng dẫn trẻ đi vệ sinh đúng nơi quy định.	
11	Trẻ làm được 1 số việc với sự giúp đỡ của người lớn(lấy nước uống, đi VS	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước.	* HD ăn, ngủ, vệ sinh: - Tập cho trẻ cách xúc cơm gọn gàng.	

2. Lĩnh vực phát triển nhận thức:

15	Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật quen thuộc. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết	* Chơi - tập có chủ định: - Nhận biết: Quả bóng, búp bê, đồ dùng của bé, đồ chơi quen thuộc của	
----	---	---	---	--

		cứng - mềm, tron (nhẵn) - xù xì.	bé. -TCTV: Đồ chơi, ô tô.. * Hoạt động chơi: TCM: Tiếng kêu của cái gì, Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.	
16	Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc ở nhóm, địa phương.	* Chơi - tập có chủ định: - Nhận biết: Quả bóng, búp bê, đồ dùng của bé, đồ chơi quen thuộc của bé.	
19	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc. (Trong chủ đề: Bé biết gì về bản thân- ĐDDC của bé)	- Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.		
20	Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh.	* Chơi - tập có chủ định: - Nhận biết: Màu đỏ, xanh. TCTV: Màu đỏ, màu xanh. *HĐVĐV: Chọn đồ chơi màu xanh * Hoạt động chơi: - Chơi tập ở khu vui chơi: Nhận biết đồ chơi màu vàng.	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ:				
24	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”.	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.	* Hoạt động chơi: - Chơi tập ở khu vui chơi. - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tập buổi chiều.	

25	Trẻ trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: Cái miệng để làm gì?, ...). (Trong chủ đề: Bé biết gì về bản thân- ĐDDC của bé)	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?”; “Ở đâu?”; “Như thế nào?”. -Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; ... “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”...	* Hoạt động chơi-tập: - Chơi tập ở khu vui chơi. - Dạo chơi ngoài trời - Chơi tập buổi chiều. Nghe và trả lời các câu hỏi của cô. -TCM: Bong bóng xà phòng.	
26	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: Trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe các câu chuyện ngắn đơn giản.	* Chơi - tập có chủ định: - Truyện: Đôi bạn nhỏ TCTV: Mò ốc, đôi bạn	
27	Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau	* Chơi - tập có chủ định: - Thơ: Đồ chơi của bé, giờ chơi, đi dép. TCTV: Nhẹ nhàng, cẩn thận, cất dọn, quy định, êm êm, vui lắm,	
28	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng . - Nghe các bài thơ, đồng dao ca dao, hò vè, câu đố, bài hát.	* Hoạt động chơi: - Đọc đồng dao: Nu na nu nống.	
29	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5–7tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.	* Hoạt động chơi: - Dạo chơi ngoài trời: - Chơi ở góc chơi.	
4. Lĩnh vực phát triển TCKNXH và thẩm mỹ:				
33	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.	* Hoạt động chơi: - Chơi ở góc chơi. - Dạo chơi ngoài trời:	
34	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.	* HĐ giao lưu cảm xúc: -Trò chuyện với trẻ	

			trong giờ đón, trả trẻ, chơi - tập, dạo chơi ngoài trời... - Rèn KN: Chơi cạnh bạn	
38	Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.	* Hoạt động giao lưu cảm xúc: - Giờ đón, trả trẻ: Trẻ chào, tạm biệt, vâng ạ...	
39	- Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	* Hoạt động chơi: - Thao tác vai: Bế em, ru em ngủ, cho em ăn - Rèn KN xếp đồ chơi gọn gàng.	
40	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.	* Hoạt động chơi: - Chơi các khu vực chơi	
42	- Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc. (Trong chủ đề: Bé biết gì về bản thân- ĐDDC của bé)	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ.	* Chơi - tập có chủ định: - Dạy hát: Quả bóng, đôi dép, em búp bê - VĐTN: Ô sao bé không lắc, đu quay - TCAN: Hãy lắng nghe, nghe bài hát lấy đồ dùng đồ chơi tương ứng, Ai đoán giỏi	
43	- Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.	* Hoạt động chơi : - Chơi theo ý thích - HĐG, Chơi - tập buổi chiều...	

II. CHUẨN BỊ ĐỒ DÙNG HỌC LIỆU

- Tranh chủ điểm tạo môi trường

- Tranh ảnh, thơ, chuyện, các hoạt động của các bé, tranh các bộ phận cơ thể của bé.
- Giấy A4, bút sáp, hạt vòng màu đỏ, xanh, dây, rổ
- Bóng, gỗ vuông, tam giác, Tranh thơ, chuyện.
- Đồ chơi cho các góc, thao tác vai, hoạt động với đồ vật, vận động.
- Chuẩn bị bài thơ, câu chuyện, bài hát, câu đố dẫn dắt trẻ vào chủ đề nhẹ nhàng.

PHÊ DUYỆT TỔ CHUYÊN MÔN
P. HIỆU TRƯỞNG

NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Lò Thị Phương

Trần Thị Bình